

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 20-6-2018.

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Kiều Lương**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lưu Đức Chung**.

2. Bà **Lê Thị Ánh Sáng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 59A/C8, Khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Chị **Trịnh Thị T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 122, Tổ 5, Ấp 3, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

(anh T vắng mặt có đơn xin vắng mặt, chị T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị T kết hôn với nhau vào năm 2015, do cả hai cùng tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, quan điểm không phù hợp, thường xuyên cãi vã. Cuối năm 2016, chị T bỏ về nhà ba mẹ ruột sinh sống. Mặc dù, anh đã cố gắng liên lạc với chị T để hàn gắn và tiếp tục cuộc sống vợ chồng nhưng vẫn không thể khắc phục, không thay đổi mà trái lại mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng, đã ly thân từ đầu

năm 2017 cho đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài được nên anh làm đơn yêu cầu ly hôn chị T để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn chị Trịnh Thị T trình bày:

Trong quá trình làm việc, chị T được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng để tham gia quá trình làm việc, hòa giải và tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng chị T không có mặt và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của anh T. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử và giải quyết vụ án đúng thời hạn theo luật định.

- Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật, Thẩm phán chủ tọa điều hành phiên tòa đúng quy định, đảm bảo sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về nội dung: Hội đồng xét xử đánh giá toàn diện, khách quan các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định đúng tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp của vụ án. Đồng thời căn cứ vào quá trình điều tra, thu thập chứng cứ. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn, không thể đoàn tụ cho thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị T.

- Về con chung: Không có con chung nên đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Minh T là nguyên đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Trịnh Thị T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhiều lần để tham gia tố tụng tại Tòa án và tham gia phiên tòa nhưng

chị T vẫn không có mặt để tham gia tố tụng tại phiên tòa và vắng mặt không có lý do; Việc chị T không có mặt là tự mình đã chối bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích của mình trước Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T và chị T

[2] Về nội dung: Anh T và chị T kết hôn với nhau vào năm 2015, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 138/2015 ngày 08/5/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay, anh T xin ly hôn chị T, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết là có căn cứ.

[3] Xét thấy: Quá trình chung sống của anh T và chị T từ sau khi kết hôn thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình cả hai không phù hợp, không còn đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cả hai đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Quá trình thu thập chứng cứ, anh T vẫn kiên quyết xin được ly hôn với chị T. Xét thấy, hiện nay tình cảm giữa anh T và chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận với yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị T.

[4] Về con chung: Không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ, anh T trình bày là không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do chị T vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến của chị T về nội dung nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ tách ra và dành quyền khởi kiện cho anh T và chị T bằng một vụ kiện dân sự khác khi các bên có yêu cầu và đóng tạm ứng án phí đầy đủ theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Anh T tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 203; 273, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Minh T đối với bị đơn chị Trịnh Thị T. Xử cho anh Nguyễn Minh T được ly hôn đối với chị Trịnh Thị T.

- Về con chung: Không có con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho chị T và anh T bằng một vụ kiện khác khi các bên có đơn yêu cầu.

- Về án phí: Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng anh được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005332 ngày 19/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Anh T đã nộp đủ án phí.

Chị T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Minh T, chị Trịnh Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- CCTHADS huyện Long Thành (1);
- UBND phường T (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Kiều Lương